

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2019

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cà Văn Pánh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Hoàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lò Văn H** - Sinh năm 1987; Nơi ĐKNKTT: Đội 1, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Đội 13, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Lò Thị M** - Sinh năm 1994; Địa chỉ: Đội 1, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Lò Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh H và chị M kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/12/2013 tại UBND xã Th, huyện Đ,

tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống với nhau tại Đội 01, xã Th, huyện Điện Biên, anh H và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy anh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho anh được ly hôn với chị M vì tình cảm của anh H đối với chị M không còn, nếu cố níu kéo cũng không có H phúc.

- *Về con chung*: Anh H và chị M có một con chung là Lò Mạnh H - sinh ngày 14/07/2014. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H vì chị M đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng mới về nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Thu nhập của anh H từ nghề làm ruộng và nghề phụ xây được khoảng 5.000.000 đồng/1 tháng, anh H đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

- *Về tài sản riêng, tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Nợ phải trả, nợ lấy về; diện tích ruộng nương*: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập không thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh H được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lò Mạnh H cho anh H chăm sóc. Anh H không yêu cầu về cấp dưỡng nên không giải quyết.

- Về tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn anh Lò Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa anh Lò Văn H và chị Lò Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị M vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của chị M không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, anh H cho rằng cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp (được chứng minh tại BL: 23). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh H khẳng định anh không còn tình cảm với chị M nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy anh H tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với chị M. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án chị M không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện chị M chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng M rằng cuộc sống chung của anh H và chị M vẫn hòa thuận, H phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho anh H được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung:* Anh H và chị M có một con chung là Lò Mạnh H - sinh ngày 14/7/2014. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H vì chị M đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Tại phiên tòa anh H khai thu nhập của anh H từ nghề làm ruộng và nghề phụ

xây được khoảng 5.000.000 đồng/1 tháng, anh H đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Mặt khác theo như bà Lò Thị H (mẹ đẻ chị M) cho biết hiện tại chị M đi làm thuê ở Hà Nội (bà H không biết địa chỉ cụ thể) một đến hai tuần mới về thăm nhà một lần nên chị M đã gửi bà Hinh chăm nom, chăm sóc cháu H trong thời gian chị M đi làm thuê ở Hà Nội và chị M cũng đồng ý cho anh H được quyền nuôi dưỡng chăm sóc cháu H. Vì vậy để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu H Tòa án cần giao cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về tài sản riêng, tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Nợ phải trả, nợ lấy về; diện tích ruộng nương:* Không có.

**) Về án phí:* Anh Lò Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Anh Lò Văn H được ly hôn với chị Lò Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Mạnh H - sinh ngày 14/7/2014 cho anh Lò Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ phải trả, nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Lò Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002928 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/6/2019). Chị Lò Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Xương, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Xương, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện DB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Tuyền

